

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2016/LĐPT

Ngày 17/8/2016

“Giữa: Bà Vũ Thị Kiều G - Hội  
LHPN Thành phố Đ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tân.
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường  
Bà Nguyễn Thị Oanh
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Long - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2016, tại Hội trường Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số: 01/2016/TLPT - LĐ ngày 30/6/2016 về việc “*Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do bản án sơ thẩm số 01/2016/LĐ - ST ngày 24/5/2016 của TAND thành phố Đ bị nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2016/LĐPT - QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2016 giữa các bên đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kiều G**, sinh năm: 1978; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Q, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G: Ông Nguyễn Duy P - Công tác tại Trường Đại học Luật H. Có mặt

Bị đơn: **Hội Liên Hiệp Phụ Nữ thành phố Đ, tỉnh Q**; địa chỉ: Số 03 - đường H, thành phố Đ, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Hồng H - Chủ tịch HLHPN, Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Mỹ V - Phó chủ tịch HLHPN tham gia phiên toà ( Theo giấy uỷ quyền ngày 15/8/2016 ) Có mặt.

**NHẬN THẤY:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2015, được sửa đổi, bổ sung ngày 27/3/2015, ý kiến tại các phiên hòa giải 16/6/2015 và ngày 21/3/2016 cũng như ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2016, nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G trình bày:

Ngày 15/11/2006 bà Vũ Thị Kiều G được nhận vào làm việc tại Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ (viết tắt: Hội LHPN thành phố Đ) theo đề án của Thị ủy (thể hiện tại Thông báo số 169 ngày 21/12/2006, Thông báo số 170 ngày 15/01/2007). Sau 03 tháng thử việc, ngày 15/02/2007 bà G ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm với người sử dụng lao động, thời gian tập sự 01 năm, hết thời hạn hợp đồng bà G tiếp tục ký hợp đồng lao động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2010. Từ năm 2011 đến năm 2013, bà G ký hợp đồng lao động từng năm một. Ngày 31/12/2013, hết thời hạn hợp đồng, bà G trực tiếp gặp thường trực Hội LHPN thành phố Đ để đề xuất nguyện vọng tiếp tục làm việc và được Chủ tịch Hội LHPN thành phố Đ đồng ý, nhưng không nói đến việc ký kết hợp đồng. Cũng trong thời gian đó, bà G tiếp tục làm việc, được nhận lương, nhận thẻ bảo hiểm y tế và đóng bảo hiểm xã hội cho đến tháng 4/2014 tại Hội LHPN thành phố Đ.

Ngày 21/4/2014, bà G nhận được Thông báo của Hội LHPN thành phố Đ về việc chấm dứt thời gian làm việc. Ngày 05/5/2014, tại cuộc họp cơ quan, Chủ tịch Hội LHPN thành phố Đ thông báo với toàn cơ quan về việc không giao việc, không trả lương, không đóng bảo hiểm xã hội và thu thẻ bảo hiểm y tế, với lý do: Bà G không ký hợp đồng lao động 06 tháng kể từ tháng 01 đến tháng 6/2014.

Bà Vũ Thị Kiều G cho rằng, Hội LHPN thành phố Đ chấm dứt hợp đồng lao động với bà là trái quy định của pháp luật, cụ thể: Hội LHPN thành phố Đ vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng, bà G yêu cầu Tòa án tuyên bố việc chấm dứt hợp đồng lao động của Hội LHPN thành phố Đ bồi thường cho bà Vũ Thị Kiều G theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 42; Điều 48 Bộ luật lao động với tổng số tiền 64.952.866 đồng, gồm các khoản sau:

- Trợ cấp thôi việc: 7 năm (thời gian làm việc) x ½ tháng lương x 3.070.000 đồng = 10.747(5).000 đồng,

- Tiền lương do không được làm việc (từ ngày 01/5/2014 đến ngày 01/4/2015): 11 tháng x 3.070.000 đồng = 33.770.000 đồng,

- Tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian không được làm việc (từ ngày 01/5/2014 đến ngày 01/4/2015): 11 tháng x 16% x 3.070.000 đồng = 5.403.200 đồng,

- Tiền lương 02 tháng theo hợp đồng lao động: 02 tháng x 3.070.000 đồng = 6.140.000 đồng,

- Bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước (35 ngày): 35 ngày x 102.333 đồng = 3.581.666 đồng,

- Tiền nâng bậc lương (lên 3.0) kể từ tháng 02/2014: 0,33 x 1.150.000 đồng/tháng x 14 tháng = 5.313.000 đồng.

Tại văn bản số 08/HPN-BTV ngày 15/4/2015 và số 11/CV-TL ngày 21/3/2016 cũng như ý kiến tại các phiên hòa giải ngày 16/6/2015 và ngày 21/3/2016, bị đơn là Hội LHPN thành phố Đ có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kiều G như sau:

Từ ngày 15/11/2006 đến ngày 31/12/2013, bà Vũ Thị Kiều G làm việc liên tục tại Hội LHPN thành phố Đ theo các hợp đồng lao động có thời hạn trong thời gian làm việc bà G hưởng đầy đủ quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

Ngày 20/02/2014, Thành ủy Đ ban hành Thông báo số 358-TB/TU về chủ trương hợp đồng cán bộ năm 2014, Thông báo có nội dung: “Đối với 02 cán bộ hợp đồng làm việc tại cơ quan UBMT thành phố và Hội LHPN thành phố, sau khi có thông báo kết quả thi tuyển công chức khối Đảng, Mặt trận, các đoàn thể của tỉnh năm 2014 thì chấm dứt hợp đồng”.

Ngày 13/3/2014, Thường trực Hội LHPN thành phố Đ họp phiên mở rộng (bà Vũ Thị Kiều G có tham gia). Tại phiên họp, Chủ tịch Hội LHPN thành phố đã trực tiếp thông báo chủ trương hợp đồng cán bộ của Hội LHPN thành phố năm 2014 theo tinh thần Thông báo số 358-TB/TU, và thông báo việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Vũ Thị Kiều G, cụ thể: Hội LHPN thành phố sẽ chấm dứt hợp đồng lao động với bà G, sau khi có kết quả thi tuyển công chức.

Ngày 31/3/2014, Hội đồng tuyển dụng Tỉnh ủy Q thông báo kết quả điểm kỳ thi tuyển công chức, ngày 21/4/2014, Hội LHPN thành phố ban hành Thông báo số 03/TB-BNV về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà G.

Với căn cứ nói trên, Hội LHPN thành phố Đ chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vũ Thị Kiều G là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật lao động, nên các yêu cầu của bà Vũ Thị Kiều G như: Tiền lương do không được làm việc: 33.770.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian không được làm việc: 5.403.200 đồng; tiền lương 02 tháng theo hợp đồng lao động: 6.140.000 đồng; bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước: 3.581.666 đồng và tiền nâng bậc lương: 5.313.000 đồng không được chấp nhận.

Hội LHPN thành phố Đ chấp nhận yêu cầu chi trả trợ cấp thôi việc cho bà Vũ Thị Kiều G theo quy định tại khoản 1, Điều 48 của Bộ luật lao động với số tiền 10.474.000 đồng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Vũ Thị Kiều G làm việc liên tục tại Hội LHPN thành phố Đ, từ ngày 15/11/2006 đến ngày 31/12/2013, theo các hợp đồng lao động có thời hạn; năm 2013, bà G ký kết hợp đồng lao động với Hội LHPN thành phố Đ với thời hạn 01 năm (từ ngày 10/01/2013 đến ngày 31/12/2013). Hết thời hạn hợp đồng, Hội LHPN thành phố Đ với bà G không ký kết hợp đồng mới nhưng bà G vẫn tiếp tục làm đến hết ngày 31/5/2014 mới nghỉ việc, theo quy định tại Điều 22 Bộ luật lao động hợp đồng có thời hạn được ký kết năm 2013 giữa bà G với Hội LHPN thành phố Đ trở thành hợp đồng không xác định thời hạn.

Hội LHPN thành phố Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà G không thuộc 01 trong 04 trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 38 của Bộ luật lao động.

Ngày 21/4/2014, Hội LHPN thành phố Đ ra thông báo số 03 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà G, ngày 01/5/2014 Hội LHPN thành phố Đ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với bà G là vi phạm thời hạn báo trước (35 ngày) theo quy định tại khoản 2, Điều 38 của Bộ luật lao động.

Yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kiều G.

Tại bản án số 01/2016/LĐ – ST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã áp dụng khoản 1, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 15; Điều 16; điểm b, khoản 1, khoản 2, Điều 22; khoản 10, Điều 36; điểm c, khoản 1, khoản 2, Điều 38 và Điều 48 của Bộ luật lao động, xử:

- Chấp nhận xem xét nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của bà Vũ Thị Kiều G.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kiều G, buộc Hội LHPN thành phố Đ, tỉnh Q phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho bà Vũ Thị Kiều G số tiền 10.747.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự trong vụ án.

Ngày 04/6/2016 nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G có đơn kháng cáo với nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà G tuyên việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Hội LHPN thành phố Đ là trái pháp luật.

- Tòa sơ thẩm cho rằng Hội LHPN thành phố Đ không vi phạm thời gian thông báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng với thực tế.

- Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu các khoản bồi thường khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không đúng và yêu cầu:

Trả tiền lương 11 tháng tôi không được làm việc (từ ngày 01/5/2014 cho đến ngày 01/4/2015 là 11 tháng):  $11 \times 3.070.000đ = 33.770.000đ$  (1) (khoản 1 Điều 42 BLLĐ).

Trả bảo hiểm xã hội trong thời gian tôi không được làm việc (khoản 1 Điều 42 BLLĐ):  $11 \text{ tháng} \times 18\% \times 3.070.000đ = 6.078.600đ$  (2)

Trả bảo hiểm y tế do cơ quan không đóng trong thời gian tôi không được làm việc (khoản 1 Điều 42 BLLĐ):  $3\% \times 11 \times 3.070.000đ = 2.333.100đ$  (3)

Trả ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động (khoản 1 Điều 42 BLLĐ):  $2 \times 3.070.000đ = 6.140.000đ$  (4)

Trả tiền bồi thường do vi phạm quy định về thời hạn báo trước (khoản 5 Điều 42 BLLĐ):  $35 \text{ ngày} \times 102.333đ = 3.581.666đ$  (6)

Trả khoản tiền tăng thêm do được nâng lương cho tôi:  $0,33 \times 1.150.000đ \times 14 \text{ tháng} = 5.313.000đ$  (7)

**Tổng cộng: 57.216.366đ (năm mươi bảy triệu hai trăm mười sáu ngàn ba trăm sáu mươi sáu đồng).**

Lý do của kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử thiếu khách quan, áp dụng không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà G ; cụ thể:

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hội LHPN Đ chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ Thông báo số 358-TB/TU ngày 20/2/2014 của Thành ủy Đ theo khoản 10 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 38 của Bộ luật lao động là không đúng.

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Hội LHPN thành phố Đ không vi phạm thời hạn báo trước với lý do ngày 13/3/2014 thường trực Hội LHPN thành phố Đ đã họp phiên mở rộng và thông báo nội dung công văn số 358-TB/TU ngày 20/2/2014 của Thành Ủy Đ và cho rằng đó là “ Báo cho người lao động biết trước ” để tính thời điểm chấm dứt hợp đồng 47 ngày là không vi phạm . Thực tế ngày 21/4/2014 Hội LHPN thành phố Đ đã ra thông báo số 03/TB-BTV về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà G, theo bà G là vi phạm thời hạn báo trước.

- Tòa sơ thẩm cho rằng Hội LHPN thành phố Đ không nâng bậc lương cho bà G với lý do không làm kiểm điểm theo quy định của khoản 2, Điều 2 thông tư 08/2013/TT-BNV của Bộ nội vụ, là không đúng tinh thần nội dung Thông tư.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa phúc thẩm: Toà án nhân dân tỉnh đã thụ lý thông báo, thông báo bổ sung thụ lý vụ án theo trình tự. Thẩm phán, thư ký Toà án thực hiện đúng đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo. (Trong quá trình giải quyết vụ án). Về mặt nội dung vụ án thấy rằng: HLHPN thành phố Đ đơn phương chấm dứt HĐLĐ với lý do trường hợp bất khả kháng là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ giải quyết chế độ khi chấm dứt HĐLĐ không đúng quy định của pháp luật ( theo quy định tại Điều 42 BLLĐ).

### **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án nhân dân thành phố Đ xác định thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp “Về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động” thuộc thẩm quyền Tòa án thành phố Đ đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24/5/2016, nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G làm đơn kháng cáo vào ngày 04/6/2016 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G: Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà G tuyên việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

của Hội LHPN Đ đối với bà G là trái quy định của pháp luật ; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về mặt chủ trương Hợp đồng lao động theo Quy định 68-QĐ/TV ngày 25/4/2002 của Ban thường vụ thị uỷ về hợp đồng cán bộ phường xã; Quy định số 01-QĐ/TU1 ngày 11/9/2012 của Ban thường vụ thành uỷ Đ, về việc sửa đổi, bổ sung Quy định 68-QĐ/TU của Ban thường vụ thành uỷ Đ ghi rõ: " Khi hết thời hạn hợp đồng làm việc nếu có nguyện vọng tiếp tục làm việc thì được xem xét để tiếp tục hợp đồng; ưu tiên tham gia dự tuyển vào công chức, viên chức ở các phòng, ban, ngành thành phố và phường khi có nhu cầu. Việc chấm dứt, thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động ". Về thẩm quyền ký kết Hợp đồng lao động, tại công văn Số 170TB/TU ngày 15/01/2007 của Ban thường vụ thị uỷ Đ, thì kể từ ngày 01/01/2007 việc ký kết hợp đồng, giải quyết chế độ và quản lý điều hành trực tiếp cán bộ hợp đồng giao cho đơn vị được thường vụ đồng ý cho hợp đồng, UBND thị xã cân đối ngân sách bổ sung nguồn kinh phí cho các phòng, địa phương đang có cán bộ hợp đồng (Kèm theo danh sách có bà Vũ Thị Kiều G HĐLĐ tại HLHPN thành phố Đ)

Từ các cơ sở nêu trên, ngày 15/11/2006 bà Vũ Thị Kiều G được nhận vào làm việc tại Hội liên hiệp Phụ nữ thành phố Đ. Sau 03 tháng thử việc, ngày 15/02/2007 bà G ký hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm với người sử dụng lao động, thời gian tập sự 01 năm, hết thời hạn hợp đồng bà G tiếp tục ký hợp đồng lao động từ ngày 01/02/2009 đến ngày 31/12/2010. Từ năm 2011 đến năm 2013, bà G ký hợp đồng lao động từng năm một, HLHPN đã giải quyết chế độ đầy đủ bà G không có khiếu nại gì. Ngày 31/12/2013, hết thời hạn hợp đồng, bà G trực tiếp gặp thường trực Hội LHPN thành phố Đ để đề xuất nguyện vọng tiếp tục làm việc nhưng không thoả thuận ký hợp đồng được. Cũng trong thời gian đó, bà G tiếp tục làm việc, được nhận lương, nhận thẻ bảo hiểm y tế và đóng bảo hiểm xã hội cho đến hết tháng 4/2014 tại Hội LHPN thành phố Đ. Theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 22 Bộ luật lao động, thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 01/01/2014 Hội LHPN thành phố Đông Hà với bà G phải ký hợp đồng lao động mới; nhưng Hội LHPN thành phố Đ với bà G không ký kết hợp đồng lao động mới trong thời hạn nói trên, nên hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ/PN ngày 10/01/2013 trở thành hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Do đó, khi chấm dứt hợp đồng lao động, Hội LHPN thành phố Đ phải căn cứ vào quy định ở khoản 1, Điều 38 để chấm dứt hợp đồng và phải báo trước cho bà Vũ Thị Kiều G biết trước ít nhất 45 ngày, theo điểm a, khoản 2, Điều 38 của Bộ luật lao động .

Theo thông báo số 358 TB/TU ngày 20/02/2014 của Thành uỷ Đ về chủ trương cán bộ hợp đồng năm 2014 có ghi: " Đối với 02 cán bộ hợp đồng làm việc tại cơ quan mặt trận thành phố và Hội liên hiệp phụ nữ thành phố, sau khi có thông báo kết quả thi tuyển công chức khối Đảng, Mặt trận, các đoàn thể của tỉnh năm 2014 thì chấm dứt hợp đồng ". Ngày 13/3/2014, Thường trực HLHPN thành phố Đ họp Thường trực mở rộng, phiên họp có nội dung: Thông báo về chủ trương hợp đồng cán bộ năm 2014 theo thông báo số 358/TB-TU của BTV Thành uỷ về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà G sau khi có kết quả thi tuyển công chức năm

2014. Ngày 31/3/2014 Hội đồng tuyển dụng Tỉnh Ủy Q Thông báo kết quả điểm kỳ thi tuyển công chức cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Ngày 21/4/2014, Hội LHPN thành phố ban hành thông báo số 03/TB-TU về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Vũ Thị Kiều G, Nhân viên hợp đồng, Thông báo có nội dung: “Hội cũng đã thống nhất tiếp tục hợp đồng với bà Vũ Thị Kiều Giang 06 tháng (từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2014) nhằm tạo điều kiện để bà có thời gian xin việc nơi khác và bàn giao công việc, ngày 01/5/2014 bà Vũ Thị Kiều G chính thức chấm dứt làm việc tại Hội LHPN thành phố. Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Đ căn cứ vào thông báo số 358 /TB-TU ngày 20/2/2014 của thành uỷ Đông Hà cho rằng đây là trường hợp" bất khả kháng " HLHPN thành phố Đ đơn phương chấm dứt HĐLĐ là đúng pháp luật ( Theo quy định tại khoản 10 Điều 36 và điểm c khoản 1 Điều 38 BLLĐ ). Hội đồng xét xử thấy rằng: trường hợp bất khả kháng theo điểm c khoản 1 Bộ luật lao động 2012 và các tài liệu hướng dẫn, qui định: “Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động tại điểm c, khoản 1, Điều 38 của Bộ luật lao động quy định như sau: “ 2.Lý do bất khả kháng thuộc một trong các trường hợp sau đây: a. Do dịch họa, dịch bệnh; b. Di dời hoặc thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Theo cách giải thích trên thì HLHPN thành phố Đ đơn phương chấm dứt HĐLĐ đối với bà Vũ Thị Kiều G là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38. Còn khoản 10 Điều 36 là dẫn chiếu trở lại điều 38 khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định đối với người lao động thì chấm dứt hợp đồng lao động. Các quy định của Thị uỷ, Thành uỷ nêu trên hướng dẫn khi chấm dứt, thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ luật lao động, Thông báo số 358 TB-TU để biết thực hiện việc ký kết, chấm dứt HĐLĐ theo quy định của pháp luật, nhưng HLHPN lại không thực hiện đúng tinh thần này. Hết hạn hợp đồng HLHPN vẫn để người lao động ở lại làm công việc cũ, trả lương và nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, theo quy định. Việc đơn phương chấm dứt HĐLĐ của HLHPN không đúng quy định ở khoản 1 Điều 38 BLLĐ là chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật theo qui định tại điều 41 BLLĐ. Theo quy định tại Điều 42 người sử dụng lao động HLHPN đơn phương chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật phải có nghĩa vụ:

- Trả tiền trợ cấp thôi việc (Theo quy định tại khoản 2 Điều 42, Điều 48 BLLĐ) toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện, các đương sự không có kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật .

- Trả tiền lương trong những ngày không được làm việc ( Từ ngày 01/5/2014 nghỉ việc đến ngày khởi kiện 17/3/2015 theo khoản 1 Điều 42 ): 11 tháng x 3.070.000, đồng = 33.770.000, đồng,

- Trả ít nhất hai tháng lương theo hợp đồng lao động ( Theo khoản 1 Điều 42 BLLĐ ): 2 tháng x 3.070.000, đồng = 6.078.000 đồng,

- Trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc ( Theo khoản 2 Điều 42 BLLĐ ):

- + BHXH: 11 tháng x 18% x 3.070.000, đồng = 6.078.600, đồng

+ BHYT: 11 tháng x 3% x 3.070.000, đồng = 2.333.100, đồng.

Với tổng số tiền: 48.321.700, đồng. Cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về những yêu cầu nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Không chấp nhận vi phạm thời hạn báo trước vì điều luật quy định: đơn phương chấm dứt HĐLĐ đúng quy định ở khoản 1 Điều 38 thì phải báo trước cho người lao động theo khoản 2 Điều 38 BLLĐ nếu vi phạm thời hạn báo trước thì phải bồi thường những ngày không báo trước. Trong trường hợp này người khởi kiện yêu cầu bồi thường những ngày không báo trước trong lúc người sử dụng lao động vi phạm quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng ở khoản 1 là không hợp lý.

Về yêu cầu bồi thường nâng bậc lương theo định kỳ: Đây không phải là hậu quả của việc chấm dứt HĐLĐ trái pháp luật; tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà G cho rằng HLHPN không nâng lương cho bà là không đúng quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 2, Điều 2 của Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ nội vụ; Quy định số 68/QĐ-TU ngày 25/4/2002 của Thị ủy Đ (nay Thành ủy Đ) thì đến thời điểm nâng lương theo định kỳ, bà G phải nộp bản tự kiểm điểm trong thời gian giữ bậc lương cho Hội LHPN thành phố Đ. Trên cơ sở bản tự kiểm điểm đó thì Hội LHPN thành phố Đ có trách nhiệm đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ, làm cơ sở cho việc nâng bậc lương của bà G. Tại phiên tòa hôm nay không có tài liệu và cơ sở đánh giá hoàn thành nhiệm vụ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên cần chấp nhận ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Vũ Thị Kiều G sửa bản án sơ thẩm.

Về án phí:

- Án phí lao động sơ thẩm: Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Đ phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền phải có nghĩa vụ: Tiền trợ cấp thôi việc: 10.747.000, đồng; tiền lương trong những ngày không được làm việc, tiền ít nhất hai tháng lương tối thiểu, tiền BHXH, BHYT trong những ngày không được làm việc: 48.321.700, đồng

- Bà Vũ Thị Kiều G không phải chịu án phí lao động phúc thẩm,

Vì các lẽ trên, áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 BLTTDS.

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Bà Vũ Thị Kiều G: Sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng khoản 1 Điều 218 BLTTDS, Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 22; Khoản 10, Điều 36; điểm c khoản 1, Điều 38, Điều 41, Điều 42 Điều 48 BLLĐ xử:

Tuyên bố việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động của Hội liên hiệp phụ nữ Thành phố Đ là trái quy định của pháp luật. Hội liên hiệp phụ nữ Thành phố Đ có nghĩa vụ giải quyết chế độ cho bà Vũ Thị Kiều G: Tiền trợ cấp thôi việc (



Đã được cấp sơ xem xét: 10.747.000, đồng ). Tiền lương trong những ngày không được làm việc: 33.770.000, đồng ; tiền hai tháng lương tối thiểu theo Hợp đồng lao động: 6.140.000, đồng; Tiền Bảo hiểm xã hội: 6.078.600, đồng ; Bảo hiểm y tế: 2.333.100, đồng ( Tổng số tiền Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Đ phải giải quyết cho bà Vũ Thị Kiều G là: 59.068.700, đồng. (Năm mươi chín triệu không trăm sáu tám ngàn bảy trăm đồng )

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Sửa án phí sơ thẩm: Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố Đ phải chịu 1.772.000, đồng án phí lao động sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Kiều G không phải chịu án phí lao động phúc thẩm

Y các phần còn lại của bản án sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Tân**